TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 3 năm 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Toàn
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phẩm
Bà Bùi Thị Hảo

- Thư ký phiên toà:Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham phiên tòa: Ông Trần Xuân Hùng- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17 tháng 3năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lýsố: 160/2022/TLST- HNGĐ ngày 28/11/2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐST- HNGĐngày 13/02/2023giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*Chị Trịnh Thị N - sinh năm 1996

Địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Khu 7, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ hiện nay: Khu Chung Dầu, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C - sinh năm 1995.

Địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Khu 7, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (không biết địa chỉ cụ thể).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu 4, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/9/2014 tại UBND xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016, anh C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung về cách nuôi dạy con cái. Năm 2017, chị cũng sang lao động tại Đài Loan, tuy nhiên, 02 vợ chồng chị chỉ gặp nhau khoảng 02 tháng thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc cả hai quyết định sống ly thân, không liên lạc gì với

nhau. Đến nay, chị xác địnhtình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 13/6/2015đang ở với bà nội là bà Bùi Thị N, sinh năm 1972 (là mẹ đẻ anh C); địa chỉ: Khu 4, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.Sau khi ly hôn, chị để cho anh C nuôi dưỡng nhưng do hiện nay cháu N đang ở với gia đình anh C nên tạm giao cháu N cho bà N nuôi dưỡng, khi nào anh C trở về Việt Nam thì giao lại anh C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị tự nguyện cấp dưỡng1,2 triệu đồng/tháng để nuôi cháu N.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện anh C đang ở Đài Loan, chị không có địa chỉ của anh C nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xác minh, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của bà Bùi Thị N là mẹ đẻ của anh C để làm căn cứ giải quyết việc ly hôn của chị.

**** Thân nhân của anh Nguyễn Văn C – bà Bùi Thị N (là mẹ đẻ anh C) trình bày***:

Con trai bà là anh Nguyễn Văn C và chị Trịnh Thị Nđăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ ngày 17/9/2014 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng con trai bà chung sống hạnh phúc. Đến ngày 13/6/2015, vợ chồng con trai bà sinh con chung là cháu Nguyễn Hữu N. Ngày 18/7/2016, anh C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi anh C sang Đài Loan được 02 tháng thì bà thấy vợ chồng con trai bà bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thế nào bà không biết. Một năm sau, chị N cũng đi lao động tại Đài Loan. Từ đó cho đến nay, cháu N sống cùng vợ chồng bà (ông bà nội của cháu), do vợ chồng bà trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng, anh C và chị N vẫn gửi tiền về cho bà nuôi cháu N. Đến nay, chị N về Việt Nam làm đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình. Quan điểm của bà về việc giải quyết vụ án như sau:

Bà tôn trọng quyền tự quyết trong hôn nhân của các con. Về con chung của anh C và chị N là cháu N, bà có đề nghị: Cháu N do vợ chồng bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy liên tục từ nhỏ cho đến nay đều bảo đảm điều kiện phát triển tốt. Cháu đã quen sống với vợ chồng bà, có nguyện vọng không muốn phải rời xa vòng tay ông bà nội đã chăm sóc cháu. Mặt khác, mẹ cháu N là chị N cũng đề nghị để anh C trực tiếp nuôi dạy con sau ly hôn và đồng ý với nguyện vọng ở cùng ông bà nội của cháu N. Do vậy, để bảo đảm điều kiện môi trường nuôi dạy ổn định đối với cháu N. Bà đề nghị nếu anh C và chị N ly hôn thì giao cháu N cho anh C nuôi dưỡng, do cháu N đang ở với gia đình bà nên bà đồng ý nhận trực tiếp nuôi dạy cháu N thay anh C. Khi nào anh C về nước thì bà sẽ giao lại cháu N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng để nuôi cháu N, bà đồng ý chị N và anh C mỗi người cấp dưỡng 1.200.000đ/tháng để nuôi cháu N.

Hiện nay, anh C vẫn đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, thường xuyên liên lạc qua điện thoại với bà để hỏi thăm tình hình sức khỏe và đời sống hàng ngày của gia đình nhưng anh C không cho địa chỉ. Bà đã nhận thayanh C 01 Thông báo thụ lý vụ án, 02 Giấy triệu tập đối với anh C cùng 02 Quyết định

yêu cầu bà cung cấp chứng cứ về địa chỉ anh C tại Đài Loan của Tòa án. Bà đã thông báo lại toàn bộ nội dung các văn bản tố tụng nêu trên cho anh C qua điện thoại. Tuy nhiên, anh C không cho bà biết địa chỉ của anh C ở Đài Loan để bà cung cấp cho Tòa án. Anh C cho bà biết quan điểm của anh C về việc giải quyết vụ án như sau: Anh C đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N, đồng ý là người trực tiếp nuôi con chung là cháu N sau ly hôn, đồng ý chị N phải có trách nhiệm cấp dưỡng số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng)/tháng để nuôi cháu N. Anh C cũng đề nghị trong thời gian anh C ở nước ngoài sẽ tạm giao cho bà trực tiếp nuôi dạy cháu N cho đến khi anh C về nước, hàng tháng, anh C đề nghị sẽ gửi 1.200.000đ cho bà nuôi cháu N.

Ngoài ra, anh C nói rằng do công việc của anh C ở Đài Loan rất bận, không thể về Việt Nam để tham gia tố tụng nên anh C đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và nhờ bà nhận thay toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Bà đồng ý nhận thay anh C toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, cam kết thông báo ngay nội dung các văn bản cho anh C biết.

**** Cháu Nguyễn Hữu N là con chung của chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Văn C có văn bản trình bày nguyện vọng như sau:***

Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở cùng bố. Tuy nhiên, hiện nay, bố cháu đang ở nước ngoài nên trong thời gian ở nước ngoài, cháu xin được sống cùng với bà nội là bà Bùi Thị N bởi vì bà N đã nuôi cháu từ nhỏ cho đến nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh PhúThọ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:Căn cứĐiều 51,53,56; Điều 81, 82, 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; b khoản 1 Điều 37; Điều 39; Điều 469;khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Cho chị Trịnh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao cháuNguyễn Hữu N, sinh ngày 13/6/2015 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N đóng góp tiền nuôi con chung cùng anh C 1.200.000đ/tháng kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi con chung trưởng thành và lao động tự túc được.Người nào không trực tiếp nuôi concó quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong thời gian anh C đang ở nước ngoài thì tạm giao cháu N cho bà Bùi Thị N nuôi dưỡng

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Do chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Thị N nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn C tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị N trình bày hiệnanh C đang sống và làm việc tại Đài Loan. Tại văn bản số 24310/QLXNC- P5 ngày 14/11/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhậnanh Nguyễn Văn Cđã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnhgần nhất ngày 24/8/2019 và chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là quan hệ "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[2]Vềquan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Văn C là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng về phương pháp nuôi dạy con,không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chông phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến nay đã sống ly thân nhiều năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị Trịnh Thị Nyêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Anh Nguyễn Văn C hiện đang ở Đài Loan,chị Trịnh Thị Nchỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh Nguyễn Văn C, không cung cấp được địa chỉ của anh C ở nước ngoài cho Tòa án. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu 4, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là mẹ đẻ của anh Cxác nhận anh C hiện đang ởĐài Loan,anh C vẫn thường xuyên gọi điện cho bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể của anh C tại Đài Loan nên bà không cung cấp được địa chỉ của anh C ởĐài Loan cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng giữa chị N và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Trịnh Thị Nyêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C là có căn cứ, được chấp nhận.

[3]Về con chung: Chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Văn C có 01 con chung là Nguyễn Hữu N, sinh ngày 13/6/2015, hiện nay cháu đang ở với bà Bùi Thị N là bà nội của cháu N,anh C có quan điểm xin được nuôi con, chị N có quan điểm để cho anh C nuôi con, cháu N có quan điểm xin ở với anh C. Do vậy cần giao cháu N cho anh C nuôi dưỡng nhưng do anh C đang ở nước ngoài, bà Nđề nghị tạm giao cháu N cho bà nuôi dưỡng nên tạm giao cháu N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡngcho đến khi anh C trở về Việt Nam thì giao lại cho anh C là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh C đều thống nhất chị N cấp dưỡng nuôi con 1.200.000đ trên một tháng là phù hợp cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Do chị Trịnh Thị Nkhông yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị Nphải chịu án phí ly hônsơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56; Điều 81, 82, 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, b khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 469, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 1 Điều 228, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị Nđược ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung:Xử giao cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 13/6/2015 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trịnh Thị N phải có trách nhiệm cấp dưỡng 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng)/tháng kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi con chung trưởng thành và lao động tự túc được. Người nào không trực tiếp nuôi concó quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong thời gian anh C đang ở nước ngoài thì tạm giao cháu N cho bà Bùi Thị N nuôi dưỡngđến khi anh C về Việt Nam.

3. Về án phí:Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trịnh Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phísơ thẩm đã nộp theo biên lai thu sốAA/2020/0000362ngày 23/11/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quancó quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Văn Toàn